

Số: 31/2018/QĐST-DS

Thị xã H, ngày 22 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:100/2018/TLST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng B1;

Địa chỉ: Số 108, đường Đ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thành S, chức vụ: Cán bộ Phòng Tổng hợp Ngân hàng B1 – Chi nhánh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 87 đường K, phường 2, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lâm Quang X, sinh năm 1956.

Nơi cư trú: Khóm M, phường A, thị xã H, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Hà Thị Ô, sinh năm 1958;

2/ Bà Lâm Thị Phương W, sinh năm 1979;

3/ Bà Lâm Thị Phương I, sinh năm 1985;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Ô, bà W, bà I là ông Lâm Quang X, sinh năm 1956 (theo các văn bản uỷ quyền ngày 13/8/2018).

Cùng nơi cư trú: khóm M, phường Á, thị xã H, Đồng Tháp.

4/ Ông Hà Văn B, sinh năm 1960;

5/ Bà Trương Thị U, sinh năm 1969;

6/ Chị Hà Thị Tuyết C, sinh năm 1989;

7/ Anh Hà Tuyết Ê, sinh năm 1992.

Cùng nơi cư trú: Ấp R1, xã Y, huyện TH, Đồng Tháp.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ngân hàng B1, đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành S và các ông Lâm Quang X, bà Hà Thị Ô, bà Lâm Thị Phương W, bà Lâm Thị Phương I, ông Hà Văn B, bà Trương Thị U, chị Hà Thị Tuyết C và anh Hà Tuyết Ê thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông Lâm Quang X, bà Hà Thị Ô, bà Lâm Thị Phương W, bà Lâm Thị Phương I, ông Hà Văn B, bà Trương Thị U, chị Hà Thị Tuyết C và anh Hà Tuyết Ê đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng B1 số tiền vay còn nợ gốc là 700.000.000đồng (Bảy trăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 14/8/2018 là 95.716.712đồng, tổng cộng là 795.716.712đồng (Bảy trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, bảy trăm mười hai đồng). Trong đó:

Ông Lâm Quang X, bà Hà Thị Ô, bà Lâm Thị Phương W, bà Lâm Thị Phương I đồng ý liên đới trả nợ gốc là 500.000.000đồng, lãi tạm tính đến ngày 14/8/2018 là 68.369.080đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 568.369.080đồng (Năm trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm tám mươi đồng).

Ông Hà Văn B, bà Trương Thị U, chị Hà Thị Tuyết C, anh Hà Tuyết Ê đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng B1 số tiền vay còn nợ gốc 200.000.000đồng, lãi tạm tính đến ngày 14/8/2018 là 27.347.632đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 227.347.632đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng).

Và đồng ý tiếp tục chịu tiền lãi từ ngày 15/8/2018 theo hợp đồng tín dụng số: 16022302/HĐTD ngày 29 tháng 7 năm 2016 cho đến khi ông Lâm Quang X, bà Hà Thị Ô, bà Lâm Thị Phương W, bà Lâm Thị Phương I, ông Hà Văn B, bà Trương Thị U, chị Hà Thị Tuyết C, anh Hà Tuyết Ê trả hết số tiền còn nợ của Ngân hàng B1.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định này của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông Lâm Quang X, bà Hà Thị Ô, bà Lâm Thị Phương W, bà Lâm Thị Phương I, ông Hà Văn B, bà Trương Thị U, chị Hà Thị Tuyết C và anh Hà Tuyết Ê thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B1 và các phí liên quan (nếu có), Ngân hàng B1 sẽ giải chấp cho hộ ông Lâm Quang X, bà Hà Thị Ô, bà Lâm Thị Phương W, bà Lâm Thị Phương I, ông Hà Văn B, bà Trương Thị U, chị Hà Thị Tuyết C và anh Hà Tuyết Ê tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng B1

Trong trường hợp ông Lâm Quang X, bà Hà Thị Ô, bà Lâm Thị Phương W, bà Lâm Thị Phương I, ông Hà Văn B, bà Trương Thị U, chị Hà Thị Tuyết C và anh Hà Tuyết Ê không trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số: 16022302/HĐTD ngày 29 tháng 7 năm 2016 thì Ngân hàng B1 có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H xử lý tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật bao gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 81,80m² gắn liền với Quyền sở hữu nhà ở diện tích 65m² thuộc thửa 73, tờ bản đồ số 12, tọa lạc khóm M, phường A, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở BP 808713 do UBND thị xã H cấp ngày 16/9/2013 (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16022013/TC ngày 18/02/2016.

- Quyền sử dụng đất diện tích 12.308m² thuộc thửa 1336, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp R1, xã Y, huyện TH, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 487798 do UBND huyện TH cấp ngày 13/4/2012 (theo hợp đồng thế chấp số 13065070/TC ngày 18/7/2013.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Ông Lâm Quang X, bà Hà Thị Ô, bà Lâm Thị Phương W, bà Lâm Thị Phương I đồng ý liên đới chịu 13.367.000đồng, nhưng do Lâm Quang X, bà Hà Thị Ô là người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nên bà Lâm Thị Phương W và bà Lâm Thị Phương I đồng ý liên đới chịu 6.683.500đồng (Sáu triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- + Ông Hà Văn B, bà Trương Thị U, chị Hà Thị Tuyết C và anh Hà Tuyết Ê đồng ý liên đới chịu 5.683.500đồng (Năm triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm đồng)

- + Ngân hàng B1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng B1 được nhận lại 17.388.000đồng (Mười bảy triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0005058 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị

kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Thống